SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 11 tháng 08 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 139/2023/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic.

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ.

Sản xuất tại: Công ty cổ phần tập đoàn Medilife Việt Nam.

Địa chỉ: Khu bến Hàn, xã An Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 11-3:2012/BYT ngày 15/11/2012 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi"; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 12- PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ/2023-TCSX.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:
- Tổ chức, cá nhân;
- Website: *antoanthucphamhungyen.vn;*
- Lưu trữ: VP./.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN

Vũ Huy Kha

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 238/QĐ-ATTP

Hưng Yên, ngày 11 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm đối với 06 sản phẩm thực phẩm của Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic. Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên *(Có giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm kèm theo).*

Điều 2. Văn Phòng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ sở thực phẩm có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN

Vũ Huy Kha

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12 – PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ /2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Mã số doanh nghiệp: 0108117821

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK.

Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ (Dành cho trẻ từ 1-9 tuổi).

2. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Thành phần: Thành phần: Chất đường bột (58,1g), Chất béo (15,6g), Chất đạm (11,85g), Chất xơ (FOS/Inulin) (1,15g), Axit linoleic (1422mg), Lysine HCL (578,87mg)), Kali (390mg), Canxi (380mg), Photpho (290mg), Clorid (235mg), Natri (180mg), Sữa non (124000mcg), Magie (48mg), Choline (40mg), Vitamin C (35mg), Canxi Aquamin F (32mg), DHA (12mg), Taurine (27mg), Vitamin E (10,4IU), Sắt (5,9mg), Kẽm (3,2mg), Vitamin B5 (1450mcg), Vitamin B3 (340mcg), Vitamin B2 (330mcg), Vitamin B6 (330mcg), HMO (2'-Fucosyllactose) (300mcg), Vitamin A (990IU), Vitamin B1 (220mcg), Axit Folic (130mcg), I-ốt (82mcg), bột yến sào (50mcg), bột óc chó (20mcg), Vitamin K2 (MK7) (18mcg), Selen (17mcg), Biotin (12mcg), Mangan (4,75mcg), Vitamin D3 (180IU), Vitamin B12 (0,8mcg). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1. Quy cách đóng gói

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon. Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g. Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

5.2. Chất liệu bao bì

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM
- Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu dự thảo nhãn sản phẩm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- QCVN 11-3:2012/BYT của Bộ Y tế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

-Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 12 – PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ/2023-TCSX

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 9 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiêu

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Số: 12 – PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ/2023-TCSX

Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung
PREMIUM WEGOLD MILK GROW IQ (Dành cho trẻ từ 1-9 tuổi)

1. Tên, địa chỉ cơ sở công bố sản phẩm:

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM
- Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục, không lẫn tạp chất lạ
2	Màu sắc	Từ màu trắng sữa đến vàng nhạt đồng đều
3	Mùi vị	Thơm ngon, đặc trưng của sản phẩm

4. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Thành phần: Chất đường bột (58,1g), Chất béo (15,6g), Chất đạm (11,85g), Chất xơ (FOS/Inulin) (1,15g), Axit linoleic (1422mg), Lysine HCL (578,87mg)), Kali (390mg), Canxi (380mg), Photpho (290mg), Clorid (235mg), Natri (180mg), Sữa non (124000mcg), Magie (48mg), Choline (40mg), Vitamin C (35mg), Canxi Aquamin F (32mg), DHA (12mg), Taurine (27mg), Vitamin E (10,4IU), Sắt (5,9mg), Kẽm (3,2mg), Vitamin B5 (1450mcg), Vitamin B3 (340mcg), Vitamin B2 (330mcg), Vitamin B6 (330mcg), HMO (2'-Fucosyllactose) (300mcg), Vitamin A (990IU), Vitamin B1 (220mcg), Axit Folic (130mcg), I-ốt (82mcg), bột yến sào (50mcg), bột óc chó (20mcg), Vitamin K2 (MK7)

(18mcg), Selen (17mcg), Biotin (12mcg), Mangan (4,75mcg), Vitamin D3 (180IU), Vitamin B12 (0,8mcg). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

5. Chỉ tiêu chất lượng:

TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TRONG 100g	Theo QCVN 11-3:2012/BYT Trong 100 kcal/100 ml)		Thành phần công bố theo QCVN 11-3:2012/BYT Trong 100 kcal/100 ml)
			Tối thiểu	Tối đa	
Năng lượng	Kcal/100g	420,20	60	85	82,3592
Chất đạm	g/100g	11,85	3	5,5	2,820
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	47,4			
Chất đường bột	g/100g	58,10			
Năng lượng từ Chất đường bột	Kcal/100g	232,4			
Chất béo	g/100g	15,6	3	6	3,713
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	140,4			
Acid linoleic	mg/100g	1422	300	-	338,410
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	300			
Bột yến sào	mcg	50			
Bột óc chó	mcg	20			
DHA	mg/100g	12			
Lysine HCL	mg/100g	578,87			
Chất xơ (FOS/Inulin)	g/100g	1,15			
Sữa non	mcg/100g	124000			

Choline	mg/100g	40				
Taurine	mg/100g	27				
Vitamin A	IU/100g	990	250	750	235,602	
Vitamin D3	IU/100g	180	40	120	42,837	
Vitamin E	IU/100g	10,4	0,7	-	2,475	
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	18	4	-	4,284	
Vitamin C	mg/100g	35	8	-	8,329	
Vitamin B1	mcg/100g	220	40	-	52,356	
Vitamin B2	mcg/100g	330	60	-	78,534	
Vitamin B3	mcg/100g	340	250	-	80,914	
Vitamin B5	mcg/100g	1450	300	-	345,074	
Vitamin B6	mcg/100g	330	45	-	78,534	
Vitamin B12	mcg/100g	0,8	0,15	-	0,190	
Biotin	mcg/100g	12	1,5	-	2,856	
Axit Folic	mcg/100g	130	4	-	30,938	
Canxi	mg/100g	380	90	-	90,433	
Canxi Aquamin F	mg/100g	32				
Photpho	mg/100g	290	60	-	69,015	
Magie	mg/100g	48	6	-	11,423	
Sắt	mg/100g	5,9	1	2	1,404	
Kẽm	mg/100g	3,2	0,5	-	0,762	
Mangan	mcg/100g	4,75				
Selen	mcg/100g	17				
Natri	mg/100g	180	20	85	42,837	
Kali	mg/100g	390	80	-	92,813	
I-ốt	mcg/100g	82	5	-	19,515	

Clorid	mg/100g	235	55	-	55,926

-Chỉ tiêu chất lượng theo QCVN 11-3:2012/BYT của Bộ y tế

-Các chỉ tiêu bổ sung có hàm lượng thực tế tối thiểu đạt 80% so với giá trị được công bố. Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

6. Chỉ tiêu an toàn:

6.1. Giới hạn về độc tố vi nấm.

Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

6.2. Giới hạn về kim loại nặng.

Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

6.3. Giới hạn về vi sinh vật.

Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

6.4. Giới hạn về phụ gia thực phẩm.

Theo Thông tư 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6.5. Giới hạn về Melamin.

Theo Quyết định 38/2008/QĐ-BYT ngày 11/12/2008 của Bộ Y tế Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

6.6. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Theo Thông tư 24/2013/TT-BYT của Bộ Y tế Ban hành quy định mức gián hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Theo Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

7. Đối tượng sử dụng:

Dành cho trẻ từ 1-9 tuổi

8. Hướng dẫn sử dụng: Một muỗng gạt ngang (tương đương 9,8g) pha với 40ml nước:

Độ tuổi	Lượng nước (ml)	Số muỗng (Thìa)	Số lần ăn mỗi ngày
1-3 tuổi	160	4	4
4-6 tuổi	160	4	4
7-9 tuổi	240	6	3

Cách pha:

- Rửa tay và các dụng cụ pha sữa thật kỹ bằng nước sạch
- Đun sôi nước và để nguội dần đến khoảng 40°C – 50°C
- Rửa dụng cụ bằng nước sôi thật kỹ ngay trước khi sử dụng
- Đổ lượng nước theo chỉ định vào bình
- Cứ mỗi 40ml nước cho vào 1 muỗng sữa
- Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi sữa bột tan hoàn toàn

Thận trọng: Pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

CHÚ Ý: *"Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác".*

"Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh".

9. Thời hạn sử dụng:

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

10. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

10.1. Quy cách đóng gói:

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon. Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.
- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

10.2. Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

11. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản sản phẩm ở nơi khô sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh. Đậy kín sau mỗi lần sử dụng.

12. Lưu ý sử dụng:

- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Nên sử dụng sản phẩm trước khi hết hạn sử dụng và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở nắp lon.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 09 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0108117821 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC
H. ÂN THI - T. HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiêu

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0801294... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM
TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiêu

M.S.D.N:0108117821-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC
H. ÂN THI - T. HƯNG YÊN

KT: 399 x 170 mm

BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG / NUTRITION FACTS

TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TRONG 100g
Năng lượng	Kcal/100g	430,20
Chất đạm	g/100g	11,85
NL từ Chất đạm	Kcal/100g	47,4
Chất dưỡng bột	g/100g	58,10
NL từ Chất dưỡng bột	Kcal/100g	232,4
Chất béo	g/100g	15,6
NL từ chất béo	Kcal/100g	140,4
Acid linoleic	mg/100g	1422
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	800
Bột yến sào	mcg	50
Bột ức chà	mcg	20
DHA	mg/100g	12
Lysine HCL	mg/100g	578,87
Chất xơ (FOS/Inulin)	g/100g	1,15
Sữa non	mcg/100g	124000
Choline	mg/100g	40
Taurine	mg/100g	27
VITAMIN		
Vitamin A	IU/100g	990
Vitamin D3	IU/100g	180
Vitamin E	IU/100g	10,4
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	18
Vitamin C	mg/100g	25
Vitamin B1	mcg/100g	220
Vitamin B2	mcg/100g	330
Vitamin B3	mcg/100g	340
Vitamin B5	mcg/100g	1450
Vitamin B6	mcg/100g	330
Vitamin B12	mcg/100g	0,8
Biotin	mcg/100g	12
Axit Folic	mcg/100g	130
KHOÁNG CHẤT		
Canxi	mg/100g	380
Canxi Aquamin F	mg/100g	32
Photphe	mg/100g	200
Magie	mg/100g	48
Sắt	mg/100g	5,9
Kẽm	mg/100g	3,2
Mangan	mcg/100g	4,75
Selen	mcg/100g	17
Nước	mg/100g	180
Kali	mg/100g	390
I-ốt	mcg/100g	82
Clorid	mg/100g	235

AVERAGE COMPOSITION	UNIT	PER 100g
Total energy	Kcal/100g	430,20
Protein	g/100g	11,85
Energy from protein	Kcal/100g	47,4
Carbohydrat	g/100g	58,10
Energy from carbohydrate	Kcal/100g	232,4
Fat	g/100g	15,6
Energy from fat	Kcal/100g	140,4
Acid linoleic	mg/100g	1422
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	800
Bird's nest meal	mcg	50
Walnut powder	mcg	20
DHA	mg/100g	12
Lysine HCL	mg/100g	578,87
Fiber (FOS/Inulin)	g/100g	1,15
Colostrum	mcg/100g	124000
Choline	mg/100g	40
Taurine	mg/100g	27
VITAMINS		
Vitamin A	IU/100g	990
Vitamin D3	IU/100g	180
Vitamin E	IU/100g	10,4
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	18
Vitamin C	mg/100g	25
Vitamin B1	mcg/100g	220
Vitamin B2	mcg/100g	330
Vitamin B3	mcg/100g	340
Vitamin B5	mcg/100g	1450
Vitamin B6	mcg/100g	330
Vitamin B12	mcg/100g	0,8
Biotin	mcg/100g	12
Axit folic	mcg/100g	130
MINERALS		
Calcium	mg/100g	380
Calcium Aquamin F	mg/100g	32
Phosphorus	mg/100g	200
Magnesium	mg/100g	48
Iron	mg/100g	5,9
Zinc	mg/100g	3,2
Manganese	mcg/100g	4,75
Selenium	mcg/100g	17
Sodium	mg/100g	180
Potassium	mg/100g	390
Iodine	mcg/100g	82
Clorid	mg/100g	235

Hàm lượng thực tế tối thiểu đạt 80% so với giá trị được công bố

SunFOOD

PREMIUM Wegold milk

GROW IQ

HỖ TRỢ TIÊU HÓA PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung dành cho trẻ từ 1- 9 tuổi

canxi IgG Sữa non

- DHA: HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TRÍ NÃO
- VITAMIN K2 (MK7) HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN XƯƠNG VÀ CHIỀU CAO
- FOS : HỖ TRỢ TIÊU HÓA, NGĂN NGỪA TÁO BÓN

Phù hợp QCVN 11 - 3
Khối lượng tịnh: 900g

NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU TỪ MỸ

THÀNH PHẦN TRONG 100G SẢN PHẨM

Chất dưỡng bột (58,1g), chất béo (15,6g), Chất đạm (11,85g), Chất xơ (FOS/Inulin) (1,15g), Axit linoleic (1422mg), Lysine HCl (578,87mg), Kali (390mg), Canxi (380mg), Photpho (290mg), Clorid (235mg), Natri (180mg), Sữa non (124000mcg), Magie (48mg), Choline (40mg), Vitamin C (25mg), Canxi Aquamin F (32mg), DHA (12mg), Taurine (27mg), Vitamin E (10,4IU), Sắt (5,9mg), Kẽm (3,2mg), Vitamin B5 (1450mcg), Vitamin B3 (340mcg), Vitamin B2 (330mcg), Vitamin B6 (330mcg), HMO (2'-Fucosyllactose) (300mcg), Vitamin A (990IU), Vitamin B1 (220mcg), Axit Folic (130mcg), I-ốt (82mcg), bột yến sào (50mcg), bột ức chà (20mcg), Vitamin K2 (MK7) (18mcg), Selen (17mcg), Biotin (12mcg), Mangan (4,75mcg), Vitamin D3 (180IU), Vitamin B12 (0,8mcg). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Dành cho trẻ từ 1 - 9 tuổi

THỜI HẠN SỬ DỤNG

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn dùng in trên vỏ hộp.

Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

Phân phối độc quyền bởi:
CÔNG TY TNHH MTV SUNFOOD
ĐC: Số 90 đường Võ Văn Trị phường Hòa Thuận TP Cao Lãnh Đồng Tháp
Hotline: 0388.643.448 / 0799.528.998

Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:
CÔNG TY CP DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC
ĐC: Thôn Đồ Mỹ, xã Đồi Sậy, huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

Sản xuất bởi:
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM
ĐC: Khu Bến Hớn, xã An Thượng, Tp.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

CHÚ Ý

- Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và nhất số bệnh nhiễm khuẩn khác.
- Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

BẢNG HƯỚNG DẪN PHA

Bảng hướng dẫn pha chế:

- Một muỗng gạt ngang (tương đương 9,8g) pha với 40ml nước

Độ tuổi	Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
1 - 3 tuổi	4	180	4
4 - 6 tuổi	5	200	4
7 - 9 tuổi	6	240	4

Đậy nắp, lắc đều dung cụ để tan hoàn toàn
Chỉ pha vừa đủ cho mỗi lần dùng, phần còn lại sau 1 giờ nên bỏ đi.

BẢO QUẢN

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

Số ĐKSP:

Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem ở đáy lon

Net.wt/KLT: 900g

ISO 22000:2018

SAIGONSTC
Hi-Tech Analytical Center

Công ty TNHH Khoa Học và Công Nghệ SÀI GÒN
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CAO SÀI GÒN
Phân tích kiểm tra chất lượng hàng hóa, nông thủy sản, thực phẩm, môi trường
Địa chỉ : 743/32 Hồng Bàng, F6, Q6, TP.HCM. MST: 0313500385
ĐT : 39600708, 39600709, Fax : 39600067

BN: 230630-004/TTSG

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

VILAS 943

Mã số mẫu */ Sample ID*: **2306873**

Tên mẫu/ *Sample name*: **Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung PREMIUM Wegold milk GROW IQ Dành cho trẻ từ 1-9 tuổi**

Khách hàng/ *Client* : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ */Address* : **Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên**

Mô tả mẫu */Sample description* : **Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu */Matrix* : **Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung PREMIUM Wegold milk GROW IQ Dành cho trẻ từ 1-9 tuổi**

Số lượng mẫu/ *Number of sample*: **01**

Ngày nhận mẫu/*Date of sample received* : **30/06/2023**

Ngày hẹn trả kết quả/ *Date of results delivery*: **10/07/2023**

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2306873	Arsen (As) (*)(b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) (*)(b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) (*)(b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) (*)(b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M_1	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B_1	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018

SAIGONSTC
Hi-Tech Analytical Center

Công ty TNHH Khoa Học và Công Nghệ SÀI GÒN
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CAO SÀI GÒN
Phân tích kiểm tra chất lượng hàng hóa, nông thủy sản, thực phẩm, môi trường
Địa chỉ : 743/32 Hồng Bàng, F6, Q6, TP.HCM. MST: 0313500385
ĐT : 39600708, 39600709, Fax : 39600067

BN: 230630-004/TTSG

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu / *Sample ID*: **2306873**

Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2306873	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	Salmonella spp. (*)(b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017
	Cronobacter sakazakii	KPH	-	/25g	TCVN 7850:2018
	Enterobacteriaceae (*)(b)	<10	-	CFU/g	ISO 21528-2:2017

Ghi chú/Note :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên /The *results only valid for the sample encoded as above*
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full , without the writen approval of the director*
- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)*
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parametters tested by subcontractor*
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*
- LOD: Giới hạn phát hiện / *Limit of detection.* KPH : Không phát hiện / *Not detected*
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/*According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony*
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy /*According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.*
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / *Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thanh Tân

Giám Đốc
Director

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. Phạm Kim Phương